

Gói thầu: giặt, thuê đồ vải, đồng phục bệnh nhân, áo choàng, drap giường, khăn và giặt ủi đồ vải tại Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận 2 năm 2027 và 2028.
(Danh mục kèm theo Yêu Cầu số 2531 /YCBG-BVBT ngày 06 tháng 10 năm 2026)



NĂM	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG
2027	Giặt ủi	Kg	150.000
	Đồ thuê (*)	Kg	528.000
2028	Giặt ủi	Kg	70.000
	Đồ thuê (*)	Kg	585.600

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ

STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Quần áo bệnh nhân nam - Quy cách: + Áo tay dài, cổ pijama, dài áo 74 vai 60cm, ngực 32cm, hông 37cm, dài tay 55cm, cổ tay 35 cm. - Quần dài 100cm, hông 37, ống 28cm, lưng: dây vải rút - Chất liệu: Kate mật độ vừa - Màu sắc: sọc màu xanh mực, nền trắng	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 96.5 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 424 • Ngang: ≥ 256 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,5) - (-0,5). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,6%, cotton: 33,4%
2	Quần áo bệnh nhân nữ - Quy cách: + Áo tay dài, cổ pijama, dài áo 74 vai 60cm, ngực 32cm, hông 37cm, dài tay 55cm, cổ tay 35 cm.	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 96.5 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 424 • Ngang: ≥ 256 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	- Quần dài 100cm, hông 37, ống 28cm, lưng: dây vải rút - Chất liệu: Kate mật độ vừa - Màu sắc: sọc màu xanh mực, nền trắng	+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,5) - (-0,5). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,6%, cotton: 33,4%
3	Quần áo bệnh nhân nhi Quy cách: + Áo tay dài, cổ pijama, dài áo 58 vai 35 cm, ngực 24cm, hông 26cm, dài tay 40cm, cổ tay 28 cm. - Quần dài 72cm, hông 26, ống 20cm, lưng: dây vải rút - Chất liệu: Kate mật độ vừa - Màu sắc: sọc màu xanh mực, nền trắng	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 96.5 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 424 • Ngang: ≥ 256 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,5) - (-0,5). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,6%, cotton: 33,4%
4	Áo sắn - Quy cách: Cổ chữ V, dún ngực, dài: 70 cm, Đô: 50cm Ngực: 35cm, Hông: 36cm, Tay: 30cm - Chất liệu: Coton mềm - Màu sắc: Gam màu tím có họa tiết hoa nhí	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 96.5 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 424 • Ngang: ≥ 256 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,5) - (-0,5). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,6%, cotton: 33,4%
5	Váy sắn - Quy cách: hông 72, dài váy 95cm, lưng: dây vải rút - Chất liệu: Coton mềm - Màu sắc: Gam màu tím có họa tiết hoa nhí	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 96.5 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 424 • Ngang: ≥ 256 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,5) - (-0,5).

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
		+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,6%, cotton: 33,4%
6	Áo choàng thân nhân người bệnh, người nuôi bệnh * Quy cách: Cổ tròn, có nút, có tay, dài: 90 cm, đô 58cm, ngực: 32cm, hông: 36cm, tay: 40 * Chất liệu: Kate silk * Sắc màu: vàng	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 118.5 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 460 • Ngang: ≥ 316 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (0,0) - (0,0). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 100%
7	Áo choàng phòng mổ * Quy cách: Áo cổ lãnh tụ, dây sau lưng, không nút, Dài: 130 cm, Đô: 60cm, ngực: 37cm, hông: 40cm, tay: 58cm, cổ tay bo thun, đường chéo cột dây vải * Chất liệu: kaki chéo 2/1 * Sắc màu: xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 215,5$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 444 • Ngang: ≥ 248 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,2) - (-0,2). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 87,4%, cotton: 12,6%.
8	Quần áo phẫu thuật viên nam * Quy cách: cổ trái tim, dài: 74 cm, đô: 70cm, ngực: 34cm, hông: 36cm, không tay áo, túi áo trên: 16cmx15cm, Nón: D:32cm; R: 14cm (vải đôi) - Quần: dài: 100cm, hông: 37cm, ống: 26cm, lưng: dây vải * Chất liệu: Katê Ford * Sắc màu: cổ vịt	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 148.3 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 515 • Ngang: ≥ 224 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-0,6). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 64,4%, cotton: 35,6%

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
9	Quần áo phẫu thuật viên nữ * Quy cách: cổ trái tim, dài: 70 cm, đô: 66cm, ngực: 32cm, hông: 34cm, không tay áo, túi áo trên: 16cmx15cm, Nón: D:32cm; R: 14cm (vải đôi) - Quần: dài: 92cm, hông: 34cm, ống: 26cm, lưng: dây vải * Chất liệu: Katê Ford * Sắc màu: cổ vịt	+ Khối lượng vải (g/m2): $\geq 148,3$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 518 • Ngang: ≥ 224 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-0,6). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 64,4%, cotton: 35,6%
10	Drap giường bệnh nhân * Kích thước: 1,5m x 2,5m * Số lớp: 1 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Trắng	+ Khối lượng vải (g/m2): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
11	Drap trải giường nôi * Kích thước: 1,5 m x 1,2m * Số lớp: 1 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Trắng	+ Khối lượng vải (g/m2): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
12	Áo gối * Kích thước: 40cm x 60cm * Số lớp: 1 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Trắng	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
13	Dây cột tay * Kích thước: + Kích thước: 12,5cm x 5cm. * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Sắc màu: xanh	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
14	(Áo choàng chuyển mổ khoa cấp cứu) Áo chuyển bệnh cấp cứu ban đầu - Quy cách: Cổ lãnh tụ, dây sau lưng, không nút, tay dài bo thun, kích thước như sau: Dài: 102 cm, Đô: 60cm Ngực: 34cm, Mông: 38cm - Chất liệu: katê mật độ vừa - Màu sắc: : sọc màu xanh mực, nền trắng	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 96,5$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 424 • Ngang: ≥ 256 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,5) - (-0,5). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,6%, cotton: 33,4%

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
15	Bao khung xe * Kích thước: 50cm x 2m, miếng lót ngang 50cm x 20cm * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Trắng	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
16	Lót lưng phòng mổ * Kích thước: 1m x 2,5m * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
17	Khăn dài phòng mổ * Kích thước: 1,5m x 2,5m * Số lớp: 1 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
18	Khăn gói phòng mổ * Kích thước: 1,5m x 2m * Số lớp: 1 lớp	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm):

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	* Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	• Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
19	Khăn lau tay phòng mổ * Kích thước: 40cm x 80cm * Số lớp: 1 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
20	Khăn gói dụng cụ phòng mổ * Kích thước: 1m x 1m * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
21	Khăn vuông phòng mổ * Kích thước: 80cm x 80cm * Số lớp: 1 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
		+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
22	Bao khay phòng mổ * Kích thước: 60cm x 40cm * Số lớp: 4 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 165,1 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
23	Bao gối * Kích thước: 60cm x 40cm * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Trắng	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 165,1 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
24	Khăn mặt có lỗ * Kích thước: 60cm x 40cm * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): ≥ 165,1 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3).

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
		+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
25	Khăn mắt không lỗ * Kích thước: 60cm x 40cm * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh kết	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
26	Khăn vuông sần * Kích thước: 80cm x 80cm * Số lớp: 1 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Xanh kết	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
27	Áo nhí sơ sinh * Quy cách: Áo cổ tròn, không nút, Dài: 30 cm, Đô: 10cm, ngực: 12cm, tay: 10cm, đường chéo cột dây vải - Chất liệu: Kate mật độ vừa - Màu sắc: màu xanh ngọc	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 96,5$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 424 • Ngang: ≥ 256 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-0,5) - (-0,5).

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
		+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,6%, cotton: 33,4%
28	Ống chân sản * Kích thước: 80cm x 15cm * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Màu sắc: Trắng	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
29	Khăn nhỏ (40cm x 40cm – 2 lớp) * Kích thước: 40cm x 40cm. * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Sắc màu: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
30	Khăn trung (80cm x 80cm – 2 lớp) * Kích thước: 80cm x 80cm. * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: Katê Ford * Sắc màu: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m ²): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3).

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
		+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
31	Khăn gói (1,6m x 1,6m - 2 lớp) * Kích thước: 1,6m x 1,6m. * Số lớp: 2 lớp * Chất liệu: kate ford * Màu sắc: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m2): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
32	Khăn lỗ (60cm x 60cm - 2 lớp) * Kích thước: 60cm x 60cm, có lỗ. * Số lớp: 2 lớp. * Chất liệu: Katê Ford * Sắc màu: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m2): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
33	Khăn lỗ (40cm x 40cm - 2 lớp) * Kích thước: 40cm x 40cm, có lỗ. * Số lớp: 2 lớp. * Chất liệu: Katê Ford * Sắc màu: Xanh két	+ Khối lượng vải (g/m2): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.
34	Mền sơ sinh (1m x 1,2m – 2 lớp) * Kích thước: 1m x 1,2m. * Số lớp: 2 lớp.	+ Khối lượng vải (g/m2): $\geq 165,1$ + Mật độ vải (sợi/10cm):

(*) CHI TIẾT DANH MỤC ĐỒ THUÊ		
STT	TÊN DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
	* Chất liệu: katê ford * Màu sắc: Xanh két	• Dọc: ≥ 278 • Ngang: ≥ 276 + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): (-1,2) - (-1,3). + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 66,1%, cotton: 33,9%.